

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt
Thông tin về Ngân hàng

Giấy phép Thành lập
Ngân hàng số

576/GP-UB

ngày 8 tháng 10 năm 1992

Giấy phép Thành lập Ngân hàng được Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy phép Thành lập
và Hoạt động Ngân hàng số

0025/NH-GP

ngày 22 tháng 8 năm 1992

Giấy phép Thành lập và Hoạt động Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và có thời hạn là 50 năm kể từ ngày cấp.

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số

059036

ngày 16 tháng 10 năm 1992

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần nhất là ngày 20 tháng 5 năm 2013. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Anh Tài
Bà Nguyễn Thanh Phương
Ông Đỗ Duy Hưng
Ông Ngô Quang Trung

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 22 tháng 4 năm 2015)
Thành viên
(đến ngày 22 tháng 4 năm 2015)
Thành viên độc lập
(từ ngày 22 tháng 4 năm 2015)
Thành viên độc lập
(đến ngày 22 tháng 4 năm 2015)
Thành viên độc lập
(đến ngày 22 tháng 4 năm 2015)

Ông Tô Hải

Ông Vương Công Đức

Ông Đỗ Hà Nam

Ông Nguyễn Ngọc Bích

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đỗ Duy Hưng
Bà Nguyễn Thị Thu Hà
Bà Đỗ Sông Hồng
Ông Nguyễn Hoài Nam
Ông Phạm Anh Tú
Ông Hồ Minh Tâm
Ông Ngô Quang Trung

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
(từ ngày 30 tháng 3 năm 2015)
Trưởng Phòng Kế toán

Bà Huỳnh Thị Lệ Hoa

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt
Thông tin về Ngân hàng (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Bà Phan Thị Hồng Lan
Ông Võ Thanh Hải
Ông Lê Hoàng Nam

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt (“Ngân hàng”) là thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm hoạt động huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân khác nhau; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân khác nhau trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ; các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; cung ứng dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép.

Trụ sở đăng ký

112 – 118 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt (“Ngân hàng”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tập đoàn cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – *Báo cáo tài chính giữa niên độ*, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Khi lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực và chế độ kế toán phù hợp có được tuân thủ hay không, trình bày và giải thích các khác biệt trọng yếu trong các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cũng chịu trách nhiệm bảo đảm việc các sổ sách kế toán thích hợp được thiết lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cũng có trách nhiệm quản lý tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cam kết rằng Tập đoàn đã tuân thủ những yêu cầu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đây, tôi, Đỗ Duy Hưng, Tổng Giám đốc và thay mặt cho Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng, phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tập đoàn tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – *Báo cáo tài chính giữa niên độ*, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 8 năm 2015

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt
112-118 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6
năm 2015

Mẫu B02a/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số
49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014)

	Thuyết minh	30/6/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND Phân loại lại	
A	TÀI SẢN			
I	Tiền mặt	4	247.478	126.099
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	5	250.831	263.943
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	6	4.722.044	4.147.983
1	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		3.149.044	3.124.983
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác		1.573.000	1.023.000
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	7	14.170	2.124
VI	Cho vay khách hàng		13.213.485	12.849.477
1	Cho vay khách hàng	8	13.365.558	12.989.519
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	9	(152.073)	(140.042)
VII	Hoạt động mua nợ	10	496.797	497.297
1	Mua nợ		549.286	549.786
2	Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		(52.489)	(52.489)
VIII	Chứng khoán đầu tư	11	7.103.940	5.695.648
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		5.919.170	3.549.880
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		1.208.702	2.168.495
3	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		(23.932)	(22.727)
IX	Góp vốn, đầu tư dài hạn	12	106.882	169.172
3	Đầu tư vào công ty liên kết		33.506	95.796
4	Đầu tư dài hạn khác		73.376	73.376
X	Tài sản cố định		359.957	374.038
1	Tài sản cố định hữu hình	13	133.282	143.311
a	Nguyên giá		208.476	209.031
b	Giá trị hao mòn lũy kế		(75.194)	(65.720)
3	Tài sản cố định vô hình	14	226.675	230.727
a	Nguyên giá		261.393	258.305
b	Giá trị hao mòn lũy kế		(34.718)	(27.578)
XII	Tài sản có khác		1.230.702	1.656.723
1	Các khoản phải thu	15	471.385	905.670
2	Các khoản lãi, phí phải thu		667.758	701.861
4	Tài sản có khác	16	130.996	88.629
5	Dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác	15	(39.437)	(39.437)
TỔNG TÀI SẢN			27.746.286	25.782.504

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt
 112-118 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6
 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B02a/TCTD-HN
 (Ban hành theo Thông tư số
 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014)

	Thuyết minh	30/6/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND Phân loại lại
B NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
NỢ PHẢI TRẢ			
II Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	17	6.136.415	7.432.288
1 Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		4.084.030	4.944.411
2 Vay các tổ chức tín dụng khác		2.052.385	2.487.877
III Tiền gửi của khách hàng	18	17.982.899	14.687.247
VI Phát hành giấy tờ có giá	19	15	31.668
VII Các khoản nợ khác		358.611	318.157
1 Các khoản lãi, phí phải trả		336.951	253.884
3 Các khoản phải trả và công nợ khác	20	21.660	64.273
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		24.477.940	22.469.360
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
VIII Vốn chủ sở hữu	22	3.268.346	3.313.144
1 Vốn của tổ chức tín dụng		3.000.009	3.000.009
a Vốn điều lệ		3.000.000	3.000.000
b Vốn đầu tư xây dựng cơ bản		1	1
c Thặng dư vốn cổ phần		8	8
2 Các quỹ		144.905	134.170
3 Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(3.600)	-
5 Lợi nhuận chưa phân phối		127.032	178.965
a Lợi nhuận trong kỳ/năm		11.919	162.110
b Lợi nhuận lũy kế năm trước		115.113	16.855
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.268.346	3.313.144
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		27.746.286	25.782.504

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt
112-118 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6
năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B02a/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số
49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014)

		30/6/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
1	Bảo lãnh vay vốn	35	217.920
2	Cam kết giao dịch hối đoái	35	6.062.337
	▪ Cam kết mua ngoại tệ	35	2.188.093
	▪ Cam kết bán ngoại tệ	35	2.357.134
	▪ Cam kết giao dịch hoán đổi	35	1.517.110
4	Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng	35	366.985
5	Bảo lãnh khác	35	198.256

Ngày 18 tháng 8 năm 2015

Người lập

Huỳnh Thị Lệ Hoa
Trưởng phòng kế toán

Người kiểm soát

Phạm Anh Tú
Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật



Đỗ Duy Hưng
Tổng Giám đốc

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt
 112-118 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho
 giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B03a/TCTD-HN
 (Ban hành theo Thông tư số
 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014)

		Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2015 Triệu VND	30/6/2014 Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	23	836.190	830.500
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	24	(653.875)	(595.447)
I	Thu nhập lãi thuần		182.315	235.053
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	25	8.702	6.923
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	26	(6.931)	(6.998)
II	Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động dịch vụ		1.771	(75)
III	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	27	23.950	8.919
V	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	28	41.444	30.116
5	Thu nhập từ hoạt động khác	29	2.499	927.398
6	Chi phí hoạt động khác	29	(11.274)	(837.977)
VI	(Lỗ)/lãi thuần từ hoạt động khác	29	(8.775)	89.421
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	30	2.191	8.541
VIII	Chi phí hoạt động	31	(211.956)	(228.316)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		30.940	143.659
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	9	(12.493)	(13.288)
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế (mang sang trang sau)		18.447	130.371

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt
112-118 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho
giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B03/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số
49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014)

	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày		
		30/6/2015 Triệu VND	30/6/2014 Triệu VND	
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế (mang sang từ trang trước)	18.447	130.371	
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	(6.528)	(27.062)
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		(6.528)	(27.062)
XIII	Lợi nhuận sau thuế		11.919	103.309
XV	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	40	344

Ngày 18 tháng 8 năm 2015

Người lập

Huỳnh Thị Lệ Hoa
Trưởng phòng kế toán

Người kiểm soát

Phạm Anh Tú
Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật



Đỗ Duy Hưng
Tổng Giám đốc

Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
 30/6/2015 30/6/2014
 Triệu VND Triệu VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	870.293	741.688
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(570.808)	(593.671)
03	Thu nhập/(chi phí) thuần từ hoạt động dịch vụ nhận được/(đã trả)	1.771	(75)
04	Chênh lệch số tiền thực thu và thực chi từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ, chứng khoán	64.868	39.299
05	Thu nhập khác nhận được	1.223	89.270
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý	-	150
07	Tiền chi trả cho nhân viên và chi phí hoạt động	(217.876)	(172.242)
08	Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong kỳ	(9.264)	(9.679)

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và công nợ hoạt động **140.207** **94.740**

Những thay đổi về tài sản hoạt động

09	(Tăng)/giảm các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	(850.000)	232.670
10	Tăng các khoản chứng khoán đầu tư	(1.409.497)	(1.096.313)
11	Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(12.046)	(406)
12	Tăng các khoản cho vay khách hàng	(376.039)	(938.020)
13	Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản	(462)	(2.479)
14	Giảm/(tăng) khác về tài sản hoạt động	392.418	(801.366)

Những thay đổi về công nợ hoạt động

16	(Giảm)/tăng các khoản tiền gửi và vay từ các tổ chức tín dụng khác	(1.295.873)	785.983
17	Tăng tiền gửi của khách hàng	3.295.652	94.091
18	Giảm phát hành giấy tờ có giá	(31.653)	(4)
21	(Giảm)/tăng về công nợ hoạt động khác	(21.278)	812
22	Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng	(3.362)	(320)

I LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH **(171.933)** **(1.630.612)**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt
112-118 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu
tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)

Mẫu B04a/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số
49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014)

		Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2015	30/6/2014
		Triệu VND	Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	Mua sắm tài sản cố định	(4.109)	(7.779)
08	Tiền thu đầu tư, góp vốn dài hạn từ đơn vị khác	52.500	-
09	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản góp vốn, đầu tư dài hạn	825	6.549
II	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	49.216	(1.230)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
04	Chia cổ tức	(44.955)	(59.700)
III	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	(44.955)	(59.700)
IV	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	(167.672)	(1.691.542)
V	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU KỲ	3.515.025	5.584.325
VII	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI KỲ (THUYẾT MINH SỐ 34)	3.347.353	3.892.783

Ngày 18 tháng 8 năm 2015

Người lập

Huỳnh Thị Lệ Hoa
Trưởng phòng kế toán

Người kiểm soát

Phạm Anh Tú
Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật



Đỗ Duy Hưng
Tổng Giám đốc